

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 744/2025/DS-PT

Ngày: 23-12-2025

*V/v: Tranh chấp đòi lại tài sản là tiền
bồi thường, hỗ trợ do nhà nước thu
hồi đất.*

**NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Định.

Các Thẩm phán:

Bà Trịnh Thị Bích Hạnh.

Bà Võ Bích Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Chúc – Thẩm tra viên Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ: Ông Trần Thanh Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 455/2025/TLPT-DS ngày 14 tháng 11 năm 2025 về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản là tiền bồi thường, hỗ trợ do nhà nước thu hồi đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 06/2025/DS-ST ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11, thành phố Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 770/2025/QĐPT-DS ngày 18 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Sơn T, sinh năm 1966. Địa chỉ: Khu V, phường V, thành phố V, tỉnh Hậu Giang nay là khu vực 2, phường V, thành phố Cần Thơ. (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Trần Hồng B – Công ty L2 – Đoàn luật sư Thành phố H. Địa chỉ: D, ấp D, xã B, thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Lê Hoàng C, sinh năm 1957. Địa chỉ: Ấp A, xã V, thành phố V, tỉnh Hậu Giang nay là khu vực A, phường V, thành phố Cần Thơ. (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Văn K. Địa chỉ: Khu V, phường I, thành phố V, tỉnh Hậu Giang nay là khu vực 2, phường V, thành phố Cần Thơ. (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố V nay là Chi nhánh phát triển quỹ đất khu vực VIII. Địa chỉ: Quốc lộ F, khu V, phường I, thành phố V, tỉnh Hậu Giang nay là khu vực 6, phường V, thành phố Cần Thơ. (Vắng mặt).

2. Bà Ngô Thị Mỹ L, sinh năm 1973. Địa chỉ: Khu V, phường V, thành phố V, tỉnh Hậu Giang nay là khu vực 2, phường V, thành phố Cần Thơ. (Có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Ngô Thị Mỹ L: Bà Lê Thị Cảnh Đ. Địa chỉ: Ấp A, xã V, thành phố V, tỉnh Hậu Giang nay là ấp A, phường V, thành phố Cần Thơ. (Vắng mặt).

3. Bà Phạm Ngọc T1, sinh năm 1964. Địa chỉ: Ấp A, xã V, thành phố V, tỉnh Hậu Giang nay là khu vực A, phường V, thành phố Cần Thơ. (Có mặt).

4. Ông Lê Hoàng C1, sinh năm 1982. Địa chỉ: Ấp A, xã V, thành phố V, tỉnh Hậu Giang nay là khu vực A, phường V, thành phố Cần Thơ. (Có mặt).

- Người kháng cáo: Ông Lê Sơn T là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:* Nguyên vào ngày 18/8/1997, ông có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của vợ chồng bà Huỳnh Tú Q và ông Lâm Văn H với diện tích là 2.682m², tọa lạc tại ấp A, xã V, huyện V, tỉnh Cần Thơ (Nay thuộc xã V, thành phố V, tỉnh Hậu Giang), với giá là 23,4 lượng vàng 24K. Vị trí thửa đất phía đông giáp kênh Xáng Xà No, phía tây giáp ông Tư H1, phía nam giáp lò đường ông Bảy L1, phía bắc giáp ông Ba N. Sau khi ông nhận chuyển nhượng phần đất nói trên thì năm 1998, ông lập thủ tục sang tên quyền sử dụng đất và tách thửa cho các anh chị em của ông, gồm: Anh Lê Hoàng C được quyền sử dụng 600m², chị Lê Thị Cảnh Đ được quyền sử dụng 334,3m², anh Lê Chí C2 được quyền sử dụng 245,2m², diện tích còn lại của ông là 1.476m² và ông cùng các anh chị em của ông đã được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận vào ngày 13/6/1998.

Ông nhận chuyển nhượng thửa đất trên của vợ chồng bà Q thì trên phần đất này có sẵn hai căn nhà cấp 4, một căn nằm sát mé sông K, còn một căn ở trên gò đất ông ở và làm nhà máy X.

Năm 1998, ông tháo dỡ nhà máy X lúa bên khu giải tỏa chỗ Nhà máy đường thuộc ấp A, xã H đem về căn nhà trên thửa đất ông đã mua của bà Q để ráp lại nhà máy X lúa. Lúc này, ông có thiếu tiền, nên ông có mượn đỡ của anh ông là ông Lê Hoàng C một lượng vàng trị giá lúc đó là 5 triệu đồng. Cùng thời điểm năm 1998, anh ông là ông C có hỏi mượn ông căn nhà dưới mé sông K để ông C sửa máy ghe có thu nhập sinh sống hàng ngày. Ông thấy vậy và chỗ tình nghĩa anh em nên ông đồng ý cho ông C mượn, việc này có chị ông là bà Lê Thị Cảnh Đ và anh ông là ông Lê Chí Công chứng K1.

Đến năm 2000, vợ chồng ông C qua nhà ông đòi nợ 01 cây vàng và ông C có hứa: “Nếu mày trả tao 01 cây vàng thì tao sẽ trả lại căn nhà dưới mé sông cho mày”. Việc này có chị ông là bà Lê Thị Cảnh Đ và anh ông là ông Lê Chí C2 biết rõ chứng kiến. Tuy nhiên, thời điểm năm 2000, ông đã cố gắng gom góp đủ 01 cây vàng để trả lại cho vợ chồng ông C, nhưng tới nay ông C vẫn cố tình không chịu trả lại cho ông căn nhà ở mé sông K, mặc dù ông đã nhiều lần yêu cầu anh ông giao trả lại cho ông căn nhà nói trên. Sau đó vào năm 2010, gia đình ông đi làm ăn xa ở thành phố Hồ Chí Minh và cách đây khoảng 03 năm, ông biết được thông tin căn nhà trên bị quy hoạch tháo dỡ để làm bờ kè. Ông có nói với ông C khi nào Nhà nước có bồi thường thì kêu ông về để ký giấy tờ nhận tiền, nhưng không ngờ ông C âm thầm qua nhà của chủ đất cũ là bà Q (đã cư trú bên Mỹ), để kêu con bà Q là Lâm Thắng P ký giấy tay mua bán giả, để nhằm mục đích nhận tiền bồi thường nhà đất của ông nói trên.

Sau đó, ông tìm hiểu thông tin thì biết được ông C đã ký nhận tiền bồi thường khoảng 450.000.000 đồng. Ông đã nhiều lần về gặp ông C để yêu cầu trả lại cho ông số tiền nhận bồi thường nói trên, nhưng ông C cố tình không trả và chiếm đoạt luôn.

Nay ông yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc ông Lê Hoàng C hoàn trả cho ông số tiền đã nhận bồi thường căn nhà dưới mé sông kênh sáng Xà N1 do ông mua năm 1997, với số tiền nhận bồi thường khoảng 450.000.000 đồng.

** Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lê Hoàng C trình bày:* Vào năm 1997, cha ông là ông Lê Phát A chỉ định cho 4 anh em ông, gồm: ông, em gái Lê Thị Cảnh Đ, em trai Lê Kiều C3, em trai út Lê Sơn T cùng hùn vốn mua một miếng đất LNK có diện tích 2.682m² trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ: 000165/QSĐĐ, thuộc tờ bản đồ số 8; thửa 685, tọa lạc tại ấp A, xã V, huyện V, Cần Thơ (cũ) được Ủy ban nhân dân huyện V cấp ngày 25/09/1995 do Huỳnh Tú Q đứng chủ sở hữu. Trong diện tích này có sẵn một nhà kho và một khung sườn nhà dưới mé sông X. Sau khi mua đất cha ông phân chia như sau:

Do nghề nghiệp của ông sửa máy xăng dầu nên cha ông cho gia đình ông về sinh sống trên phần đất cặp mé sông có sẵn khung sườn nhà, ông phải xây dựng sửa chữa lại để hành nghề sửa máy đến nay đã 27 năm, trong thời gian này trong các anh em không có ai tranh chấp, không có ai tranh giành quyền lợi gì trên phần đất mé sông này.

Phần đất phía trên bờ 4 anh em hùn nhau mua, do ông Sơn T bỏ tiền ra nhiều hơn nên được sở hữu phần diện tích đất nhiều hơn và cả nhà kho lớn, còn ông và hai em Cảnh Đ, Chí C2 có bao nhiêu mua bấy nhiêu sau đó hai em cất nhà ở, gia đình ông đến năm 2011 mới cất nhà ở cho đến nay. Khi làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất, anh em đồng ý cho ông Sơn T làm đại diện để làm thủ tục chuyển nhượng được dễ dàng hơn. Năm 2014, vợ chồng ông giao lại quyền sở hữu căn nhà dưới sông X cho con trai ông tên Lê Hoàng C1 quản lý và sử dụng. Vào tháng 05/2024, Nhà nước quy hoạch giải tỏa căn nhà dưới mé sông X để làm bờ kè, mọi thủ tục hồ sơ liên quan đến quy hoạch đều do con ông Lê Hoàng C1 thực hiện và làm thủ tục nhận tiền bồi thường.

Ông không đồng ý trả số tiền 450.000.000 đồng về việc bồi thường nhà ở dưới mé sông K cho ông Lê Sơn T, vì đây là tài sản riêng của gia đình ông.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị Mỹ L có đại diện hợp pháp là bà Lê Thị Cảnh Đ trình bày:* Bà Ngô Thị Mỹ L là vợ của ông Lê Sơn T. Bà L thống nhất với ý kiến của ông Lê Sơn T, bà L không có yêu cầu độc lập gì trong vụ án này. Mọi việc do ông Lê Sơn T quyết định. Đề nghị Tòa án buộc ông Lê Hoàng C trả lại cho ông Lê Sơn T số tiền đã nhận bồi thường.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Ngọc T1 trình bày:* Bà là vợ của ông Lê Hoàng C. Bà biết việc tranh chấp giữa ông Lê Sơn T và ông C như sau: Lúc cha chồng bà còn sống có kêu vợ chồng bà hùn với anh, em của chồng bà cùng mua đất của bà Huỳnh Tú Q. Do ông T hùn nhiều tiền hơn nên anh, em mới để ông T đại diện làm thủ tục mua bán. Sau đó anh, em ruột của ông C mới phân chia đất và tự làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất.

Căn nhà dưới mé sông là do cha ruột của ông C kêu ông C ở mé sông để sửa máy, ông T sử dụng căn nhà trên bờ để làm nhà máy xay lúa. Căn nhà dưới mé sông và phần đất gắn liền với căn nhà là thuộc quyền sử dụng hợp pháp của vợ chồng bà. Vợ chồng bà đã cho con trai vào năm 2014. Bà không thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông Lê Sơn T.

Bà thống nhất với ý kiến của ông Lê Hoàng C, bà không có yêu cầu độc lập gì trong vụ án này. Mọi việc do ông Lê Hoàng C quyết định.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Hoàng C1 trình bày:* Vào năm 2014, cha ông là ông Lê Hoàng C có cho ông căn nhà và đất ở cặp kênh X tại ấp A, xã V, thành phố V, tỉnh Hậu Giang để gia đình cùng sinh sống. Đến năm 2016, nhà nước có thu hồi đất, đo đạc và bồi thường phần đất thuộc quyền sử dụng của ông nhưng ông chỉ nhận đất và căn nhà, phần đất còn lại cặp nhà thì ông để cho cha là ông Lê Hoàng C đứng ra ký tên - Dự án quản lý thủy lợi phục vụ phát triển nông thôn vùng đồng bằng sông C (W), tiểu dự án khép kín tuyến đê cống vùng Ô -X (giai đoạn 1), tỉnh Hậu Giang hạng mục Kè gia cố và nâng cấp mặt đê Xà No từ Cống B đến K3+210 trên địa bàn thành phố V. Trong thời gian này không có ai tranh chấp hay thưa kiện. Đến năm 2022 thì Ủy ban nhân dân thành phố V thông báo thu hồi đất để thực hiện Dự án Kè gia cố và nâng cấp mặt đê X đoạn từ Cầu F T đến Cầu B. Sau khi nhà nước đo đạc xong đến ngày 26/12/2023 thì ông được thông báo nhận số tiền bồi thường là 456.884.758 đồng. Đến tháng 5/2024 ông nhận tiền bồi thường và di dời đồ đạc để trả lại mặt bằng theo quy định, trong thời gian này ông Lê Sơn T cũng không có tranh chấp gì với ông.

Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Lê Sơn T vì nhà và đất là do ông Lê Hoàng C đã tặng cho ông vào năm 2014, việc tặng cho là hoàn toàn hợp pháp.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố V có đại diện hợp pháp là ông Nguyễn Văn T2 trình bày:* Ngày 04/4/2022, Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành Thông báo số 92/TB-UBND thông báo thu hồi

đất để thực hiện dự án Kè gia cố và nâng cấp mặt đê X đoạn từ cầu F T đến cầu B. Ngày 13/8/2022, Trung tâm Phát triển quỹ đất phối hợp với Ủy ban nhân xã V tiến hành đo đạc, điều tra, kiểm đếm về đất và tài sản gắn liền với đất đối với ông Lê Hoàng C1, ông Lê Hoàng C1 bị ảnh hưởng đất, nhà và công trình.

Theo tờ tự kê khai của ông Lê Hoàng C1 ngày 13/8/2022, thể hiện đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đất gốc do bà Huỳnh Tú Q sử dụng trước năm 1975, đến năm 1996 bà Tú Q chuyển nhượng lại cho ông Lê Hoàng C sử dụng đến năm 2014 cho tặng lại con trai là Lê Hoàng C1 sử dụng đến nay, không tranh chấp. Ngày 16/9/2022, Ủy ban nhân dân xã V có xác nhận các thông tin có liên quan để áp dụng chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư hộ Lê Hoàng C1 như sau:

+ Về đất: Đất ven kênh Xáng Xà No chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử đất, có nguồn gốc do bà Huỳnh Tú Q sử dụng đất trước 1975, đến năm 1996 bà Q chuyển nhượng lại cho ông Lê Hoàng C sử dụng đến năm 2014 cho tặng lại con trai là Lê Hoàng C1 sử dụng liên tục cho đến nay, không tranh chấp.

+ Về nhà và công trình: Nhà, công trình do ông Lê Hoàng C xây dựng năm 1997, đến năm 2014 cho tặng lại con trai là Lê Hoàng C1 sử dụng liên tục cho đến nay, không tranh chấp. Khi xây dựng không có văn bản xử lý vi phạm của cơ quan có thẩm quyền. Mục đích sử dụng để phục vụ sinh hoạt gia đình.

+ Về cây trồng: Không ảnh hưởng.

+ Thông tin liên quan về các chính sách hỗ trợ: Lê Hoàng C1 có tên trong hộ khẩu thường trú số VT 808033 do Công an thành phố V cấp ngày 14/02/2003 do ông Lê Hoàng C làm chủ hộ tại ấp A, xã V, thành phố V, gồm 04 nhân khẩu (Lê Hoàng C1, Lê Ngọc T3, Lê Ngọc T4 và Trần Kim H2), sống bằng nghề phi nông nghiệp.

+ Thông tin có liên quan về tái định cư: Căn nhà bị giải tỏa không phải là căn nhà ở chính, không phải di chuyển chỗ ở. Hiện nay, ông Lê Hoàng C1 còn chỗ ở (nhà ở, đất ở) phía trên bờ tại ấp A, xã V, thành phố V.

Ngày 01/6/2023, Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành Công văn số 964/UBND-NC về việc xác định loại đất của các hộ dân bị ảnh hưởng dự án Kè gia cố và nâng cấp mặt đê X đoạn từ cầu F Thước đến cầu B, ông Lê Hoàng C1, diện tích 43,9m² đất ONT, số thửa 118, tờ bản đồ số 93.

Qua trao đổi, ngành chuyên môn xác định phần đất bị ảnh hưởng của ông Lê Hoàng C1 không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 54 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP (Do Lê Hoàng C1 nhận tặng cho sau ngày 01/01/2008). Ngày 12/12/2023, Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành Công văn số 2194/UBND-NC về việc điều chỉnh loại đất thu hồi của các hộ dân bị ảnh hưởng dự án Kè gia cố và nâng cấp mặt đê X đoạn từ cầu F Thước đến cầu B, ông Lê Hoàng C1, tổng diện tích 39,8m² loại đất ONT, số thửa 117, tờ bản đồ số 93, địa chỉ tại xã V. Xét thấy, ông Lê Hoàng C1 sử dụng đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được cơ quan chuyên ngành xác định đất không đủ điều

kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không đủ điều kiện bồi thường theo quy định tại Điều 75 Luật Đất đai năm 2013.

Tuy nhiên, theo khoản 6 Điều 10 Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND quy định đối với trường hợp không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận theo quy định tại Điều 99 Luật Đất đai (trừ Khoản 2 Điều 77 Luật Đất đai) thì được xem xét hỗ trợ như sau:

“Đất sử dụng trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 thì được hỗ trợ 90% giá đất cụ thể của dự án theo loại đất bị thu hồi;

- Đất sử dụng sau ngày 15 tháng 10 năm 1993 đến trước thời điểm có thông báo thu hồi đất thì được hỗ trợ 70% giá đất cụ thể của dự án theo loại đất bị thu hồi”.

Căn cứ vào khoản 6 Điều 10 Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh H, hộ ông Lê Hoàng C1 được hỗ trợ 70% giá đất của dự án theo loại đất bị thu hồi.

Ngày 26/12/2023, Ủy ban nhân dân B1 ban hành Quyết định số 5759/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án Kè gia cố và nâng cấp mặt đê X đoạn từ cầu F Thước đến cầu B, ông Lê Hoàng C1 được phê duyệt với tổng số tiền 456.884.758 đồng. Trong đó bồi thường, hỗ trợ đất 163.466.100 đồng (hỗ trợ đất 70% theo quy định tại khoản 6 Điều 10 Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND), bồi thường, hỗ trợ nhà, công trình 293.418.658 đồng. Ông Lê Hoàng C1 đã nhận đủ số tiền bồi thường, hỗ trợ theo quyết định phê duyệt nêu trên và đã bàn giao mặt bằng thực hiện dự án. Việc bồi thường cho ông Lê Hoàng C1 là đúng quy định của pháp luật. Trung tâm phát triển quỹ đất không có ý kiến trình bày gì thêm. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

* Sự việc được Tòa án nhân dân khu vực 11 – Cần Thơ thụ lý, giải quyết. Tại Bản án sơ thẩm số 06/2025/DS-ST, ngày 14 tháng 7 năm 2025, đã quyết định:

Căn cứ vào các điều 26, 35, 39, 147 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 99 Luật đất đai 2013;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Sơn T về việc yêu cầu bị đơn ông Lê Hoàng C phải trả lại cho ông Lê Sơn T số tiền đã nhận từ việc bồi thường, hỗ trợ do hồi đất là 456.884.758 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Hoàng C1 về việc hỗ trợ cho ông Lê Sơn T số tiền là 44.012.799 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 28/7/2025, nguyên đơn ông Lê Sơn T có đơn kháng cáo đối với bản án dân sự sơ thẩm. Yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và thay đổi một phần nội dung đơn kháng cáo là yêu cầu bị đơn phải trả lại số tiền bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất là 207.478.758 đồng; bị đơn giữ nguyên ý kiến; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ nguyên ý kiến. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả lại số tiền 207.478.899 đồng.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo và cho rằng kháng cáo của nguyên đơn là không có cơ sở chấp nhận và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của nguyên đơn là đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, kháng cáo hợp lệ và đúng theo luật định nên vụ án được xét xử theo trình tự phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo và các vấn đề có liên quan đến việc kháng cáo.

[2]. Về sự có mặt, vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố V nay là Chi nhánh phát triển quỹ đất khu vực VIII đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2 tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[3]. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn thay đổi nội dung kháng cáo yêu cầu Hội đồng xét xử buộc bị đơn phải trả lại số tiền bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất là 207.478.758 đồng, thấy rằng việc thay đổi kháng cáo của nguyên đơn là không vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Xét kháng cáo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Nguyên đơn ông Lê Sơn T khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc ông Lê Hoàng C hoàn trả cho ông số tiền đã nhận bồi thường 450.000.000 đồng là căn nhà dưới mé sông K do ông mua năm 1997, nhưng theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời thừa nhận của các đương sự là ngày 26/12/2023, Ủy ban nhân dân B1 ban hành Quyết định số 5759/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án kè gia cố và nâng cấp mặt đê X đoạn từ cầu F Thước đến cầu B, ông Lê Hoàng C1 được phê duyệt với tổng số tiền 456.884.758 đồng. Trong đó bồi thường, hỗ trợ đất 163.466.100 đồng (hỗ trợ đất 70% theo quy định tại khoản 6 Điều 10 Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND), bồi thường, hỗ trợ nhà, công trình 293.418.658 đồng. Ông Lê Hoàng C1 đã nhận đủ số tiền bồi thường, hỗ trợ theo quyết định phê duyệt nêu trên và đã bàn giao mặt bằng thực hiện dự án. Như vậy, ông Lê Hoàng C không phải là người nhận số tiền bồi thường, hỗ trợ trên mà là ông Lê Hoàng C1 là người sử dụng và quản lý căn nhà trên nên mới là người nhận số tiền bồi thường. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn kháng cáo nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh ông Lê Hoàng C là người nhận số tiền bồi thường, hỗ trợ.

[5]. Từ những căn cứ trên, xét kháng cáo của nguyên đơn là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[6]. Xét đề nghị của của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7]. Xét đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[8]. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm ông Lê Hoàng C1 đồng ý tự nguyện hỗ trợ cho ông Lê Sơn T số tiền 44.012.799 đồng cho nên phần Quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm tuyên ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Hoàng C1 là gây khó khăn cho việc thi hành án, vì vậy Hội đồng xét xử cần điều chỉnh lại cách tuyên để đảm bảo cho việc thi hành án sau này.

[9]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định.

[10]. Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét và có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định tại Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Sơn T. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Cần Thơ và được tuyên lại như sau:

- Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Sơn T về việc yêu cầu bị đơn ông Lê Hoàng C phải trả lại cho ông Lê Sơn T số tiền đã nhận từ việc bồi thường, hỗ trợ do hồi đất là 456.884.758 đồng (Bốn trăm năm mươi sáu triệu tám trăm tám mươi bốn nghìn bảy trăm năm mươi tám đồng).

Buộc ông Lê Hoàng C1 phải trả số tiền về việc hỗ trợ cho ông Lê Sơn T số tiền là 44.012.799 đồng (Bốn mươi bốn triệu không trăm mười hai nghìn bảy trăm chín mươi chín đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Lê Sơn T phải nộp là 22.275.000 đồng (Hai mươi hai triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Ông Lê Sơn T được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng) theo biên lai thu số 0001155 ngày 11/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Vị Thanh (Nay là phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 – Cần Thơ) thành án phí. Ông T phải nộp thêm 11.275.000 đồng (Mười một triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

- Buộc ông Lê Hoàng C1 phải nộp là 2.200.600 đồng (Hai triệu hai trăm nghìn sáu trăm đồng).

3. Án phí phúc thẩm: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), phần tiền này được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001357 ngày 28/7/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Như vậy ông T đã nộp xong án phí.

4. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- VKSND TP. Cần Thơ;
- THADS TP. Cần Thơ;
- Tòa án nhân dân KV 11 – Cần Thơ;
- Phòng THADS KV 11 – Cần Thơ;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Định